

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST
Ngày: 24/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Hương và ông A BRúk

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

A J, sinh năm 2000 tại K; nơi cư trú: Thôn Kon Rờ Bàn I, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K (HKTT: Thôn Plei Đ, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A J (đã chết) và bà Y S, sinh năm 1966; hiện đang sống tại thôn Kon Rờ Bàn I, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K; gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

A H, sinh năm 1998 tại K; nơi cư trú: Thôn o, xã Diên B, huyện Đắk T, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Q (đã chết) và bà Y Đ, sinh năm 1975; hiện đang sống tại thôn h, xã Diên B, huyện Đắk T, tỉnh K; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

A J1, sinh năm 1995 tại K; nơi cư trú: Thôn m, xã Diên B, huyện Đăk T, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Jem, sinh năm 1960 và bà Y K, sinh năm 1962, hiện đang sống tại thôn n, xã Đăk L, huyện Đăk H, tỉnh K có vợ là Y Ph hiện đang sống tại thôn m, xã Diên B, huyện Đăk T, tỉnh K; gia đình bị cáo có 09 anh, chị, em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975; trú tại: Số 179 đường Nguyễn Sinh S, tổ 9, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 10/8/2004. Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Diễm H: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1969 (cha đẻ); nơi cư trú: Số 179 đường Nguyễn Sinh S, tổ 9, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cáo trạng số: 88/CT-VKSTPKT ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A J, A H, A J1 về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 25/3/2020, A J đi bộ dạo chơi tại khu vực phường Quang Tr, thành phố Km, tỉnh K. Khi đi ngang qua nhà số 179 Nguyễn Sinh S, thành phố K, tỉnh K thì phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 82AA-070.12 đang dựng trên vỉa hè trước nhà, không có ai trông coi nên A J đến lấy trộm và dắt xe đi về hướng đường Huỳnh Đăng Th, mở cốp xe, lấy kéo ra bẻ khóa xe, sau đó chạy về Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K. Sáng ngày 26/3/2020 A Jem điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến thôn 7, xã Đăk U, huyện Đăk H, thành phố K, tỉnh K. Trên đường đi, A J tháo biển số xe và bộ vỏ dàn áo nhựa xe mô tô ném tại gò đất gần chân cầu Đăk X thuộc thôn 7, xã Đăk U, huyện Đăk H, thành phố K, tỉnh K. Sau đó, A J vào nhà A X (sinh năm 1997; trú tại: thôn 7, xã Đăk U, huyện Đăk H, thành phố K, tỉnh K) để chơi. Đến sáng ngày 28/3/2020, A H là cháu của A X xuống nhà A X chơi thì gặp A J, A J đem xe mô tô trên bán cho A H với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). A H đưa xe về nhà lấy 01 (một) biển kiểm soát (chưa xác định được biển số) do A H nhặt được trước đó lắp vào xe mô tô mua được. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, A H đem xe mô tô này bán tiếp cho A J1 với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Đến ngày 01/4/2020 A J1 tháo biển kiểm soát xe mô tô ra và ném vào bao rác trước nhà, sau đó Công an thành phố K đã lên nhà của A J1 thu giữ xe mô tô.

Kết luận định giá tài sản số 27/ĐG-TS ngày 02/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố K, kết luận: Giá trị 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 82AA-070.12 là **10.028.000 đồng** (Mười triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Cáo trạng số: 88/CT-VKSTPKT ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo A J về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo A H, A J1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A J từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; các điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A H và bị cáo A J1, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2020.

Về vật chứng vụ án : Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị L 01 (một) xe mô tô có số khung B2UMJA003807; số máy MBYDSJ003807.

Đối với 01 biển kiểm soát 82AA-070.12, cùng bộ vỏ nhựa dàn áo xe mô tô mà A J tháo ra, ném ở gò đất gần chân cầu Đắc X, thôn 7, xã Đắc U, huyện Đắc H, tỉnh K và 01 biển kiểm soát (chưa xác định được biển số) mà A J1 đã tháo ra, bỏ vào bao rác trước nhà. Tất cả các vật chứng trên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với số tiền 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo A J bán xe cho bị cáo A H và số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) bị cáo A H bán xe lại cho bị cáo A J1. Xét thấy, bị cáo A H và bị cáo A J1 biết rõ xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện việc mua, bán, vì vậy đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Thị L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử toàn bộ vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo A J thừa nhận: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 25/3/2020, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 82AA-070.12 của bà Trần Thị L, trị giá 10.028.000 đồng (Mười triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng). Sáng ngày 28/3/2020, bị cáo A J đem xe mô tô trên bán cho bị cáo A H với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); cùng ngày bị cáo A H bán lại xe mô tô này cho bị cáo A J1 với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo A H và A J1 đều thừa nhận các bị cáo không có hứa hẹn gì với nhau trong việc mua bán tài sản trộm cắp. Nhưng khi A H và A J mua xe mô tô trên đều biết rõ chiếc xe là tài sản trộm cắp nhưng vì ham rẻ nên vẫn đồng ý mua. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, hành vi trên của bị cáo A J có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo A H và A J1 đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 88/CT-VKSTPKT ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là phi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô biển số 82AA-070.12 (có số khung B2UMJA003807; số máy MBYDSJ003807, tình trạng xe: Không gắn biển kiểm soát, không có bộ vỏ dàn áo nhựa), giấy đăng ký xe mô tô đứng tên chị Nguyễn Thị Diễm H. Quá trình điều tra và trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Hằng khẳng định chị là người đứng tên trong giấy tờ xe nhưng xe là tài sản của bà Trần Thị L (mẹ chị H). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả lại xe cho bà Trần Thị L là phù hợp, đúng pháp luật. Bà L không yêu cầu gì thêm

Đối với 01 biển kiểm soát 82AA-070.12, cùng bộ vỏ nhựa dàn áo xe mô tô mà A J tháo ra, ném ở gò đất gần chân cầu Đắc X, huyện Đắc H, tỉnh K và 01 biển kiểm soát (chưa xác định được biển số) mà A J1 đã tháo ra, bỏ vào bao rác trước nhà. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo A J bán xe cho bị cáo A H và số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) A H bán xe lại cho bị cáo A J1. Xét thấy, bị cáo A H và bị cáo A J1 biết rõ xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện việc mua, bán nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo A J, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo A H, A J1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A J **10** (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A H **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A J1 **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo A J phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và bị cáo A H nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo A J, A H, A J1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND TP.K;
- Công an TP.K;
- Chi cục THADS TP.K;
- Các bị cáo; người bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Thu

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP.Kon Tum;
- Công an TP.Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.KonTum;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

MAI THỊ THU

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Danh Hương

MAI THỊ THU

Đào Văn Hậu

